

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T3 H3, TH2NH PHỐ H2 N**

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải tH2nh ngày 18 tháng 7 năm 2019.

Sau khi nghiên cứu H3 sơ việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 162/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Trần Thị H Y, sinh năm 1984.

HKTT và trú tại: Tổ 3, cụm 1, phường P T2, quận T3 H3, H2 N.

- Anh H2 H1 T, sinh năm 1982.

HKTT và trú tại: Số 43, ngõ 823, H3ng H2, phường C D, quận H4 K, H2 N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Về quan hệ hôn nhân: Anh H2 H1 T và chị Trần Thị H Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 24/10/2013 tại UBND phường C D, quận H4 K, H2 N, xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh T, chị Y: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hơn hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, về vấn đề kinh tế, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và đã ly thân. Anh, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cùng thuận tình ly hôn. Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh T, chị Y là H4 T tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2].Về con chung: Anh T, chị Y xác nhận anh chị có 01 con chung là H2 Th V, sinh ngày 29/01/2016. Anh chị thỏa thuận: Sau khi ly hôn chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung 1.000.000đồng/tháng, từ tháng 7 năm 2019 cho đến khi con chung tH2nh niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản, nH2 đất, công nợ: Anh T, chị Y cùng xác nhận anh chị không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4]. Về lệ phí: Chị Trần Thị H Y tự nguyện nộp T bộ 300.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm chị Y đã nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không tH2nh, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H2 H1 T và chị Trần Thị H Y cùng thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh H2 H1 T và chị Trần Thị H Y có 01 con chung là H2 Thảo Vi, sinh ngày 29/01/2016. Giao chị Trần Thị H Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung H2 Th V. Anh H2 H1 T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Y 1.000.000đ(một triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 7 năm 2019 cho đến khi con chung tH2nh niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản, nH2 đất, công nợ: Anh T, chị Y cùng xác nhận anh chị không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[2]. Về lệ phí: Chị Trần Thị H Y tự nguyện nộp T bộ 300.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0003578 ngày 02/7/2019 tại Chi cục thi H2nh án dân sự quận T3 H3.

[3]. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban H2nh và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục Pc thẩm./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Tây Hồ;
- CCTHADS quận T3 H3;
- UBND phường C D, H4 K,
(đăng ký số 165/2013 quyển 01);
- Lưu H3 sơ, VP;

Thẩm phán

Đỗ Thị Vân Anh